

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGÔ SỸ LIÊN



**XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
VÀO LỚP 10**

NĂM HỌC 2022 - 2023

Hà nội, tháng 1 năm 2022

**XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2022 - 2023**

Tên đơn vị: Trường THPT Ngô Sỹ Liên

Địa chỉ : Tổ 05 - Tổ Dân Phố Chiến Thắng - Thị trấn Xuân Mai – Chương Mỹ - Hà Nội

Điện thoại: 0246 294 2866 Mail: C3ngosylien@hanoiedu.vn

Căn cứ xác định chỉ tiêu:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14;

- Điều 27, Điều 28 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ ban hành Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông; Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ GDĐT về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tự thực (Có hiệu lực thi hành từ ngày 11/02/2022);

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Chỉ thị số 25/CT-UBND ngày 11/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc tăng cường quản lý hoạt động các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Nội dung xác định như sau:

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức bộ máy và đội ngũ

Tiêu chí 1. Trường học

- Quyết định thành lập số 675/QĐ-UBND ngày 06-07-2000 của Chủ tịch UBND Tỉnh Hà Tây v/v thành lập trường THPT Dân Lập Xuân Mai

- Quyết định chuyển đổi hoặc Quyết định đổi tên trường (nếu có). Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 23-6-2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tây về việc đổi tên trường THPT Dân Lập Xuân Mai thành THPT Ngô Sỹ Liên (nay là TP- Hà Nội)

- Quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 04-4-2013 của Chủ tịch UBND TP Hà Nội v/v chuyển đổi loại hình trường dân lập sang loại hình trường tư thục

- Quyết định cấp phép hoạt động hoặc chuyển địa điểm hoạt động (nếu có)

- Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu và công tác quản lý dấu số 248981/ĐKMD – PC 64 ngày 29/01-2-13

- Quy chế tổ chức và hoạt động.

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 2. Các tổ chức đoàn thể

- Nhà đầu tư hoặc Hội đồng quản trị/Hội đồng trường Quyết định số 4184/QĐ- SGDĐT ngày 02-8-2017 của Giám đốc sở GD và ĐT Hà Nội v/v công nhận lại Hội đồng quản trị

- Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Có 4 tổ chuyên môn 01 tổ Văn phòng

- Tổ chức Đảng: số đảng viên. 15 đảng viên

- Tổ chức Công đoàn 35 đoàn viên

- Tổ chức Đoàn TNCSHCM. 450 đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 3. Đội ngũ

- Cán bộ quản lý

+ Hiệu trưởng: Nguyễn Quang Chung quyết định số 314/QĐ- SGD&ĐT ngày 24/02/2021 v/v Công nhận Hiệu trưởng trường THPT Ngô Sỹ Liên

+ Phó hiệu trưởng: 0

- Tổng số giáo viên: 43 người

+ Trình độ giáo viên đại học : 40 người; trên đại học: 03 người.

+ GV cơ hữu: 23 người, chiếm 53,5%.

+ GV thỉnh giảng (có hợp đồng thỉnh giảng): 20 người, chiếm 46,5%.

- Tổng số nhân viên: 07 (cơ hữu: 07 người, chiếm 100%), trong đó:

+ Bộ phận hành chính: 03 người.

+ Cán bộ thí nghiệm: 01 người.

+ Cán bộ thư viện: 01 người.

+ Nhân viên y tế: 01 người.

+ Nhân viên kế toán: 01 người.

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

(Chú ý: Định mức giáo viên với THPT là 2,25 GV/lớp, có đủ các bộ môn với trình độ từ ĐH trở lên, nếu tổng số GV thấp hơn định mức thì không đạt. GV cơ hữu có đóng BHXH hoặc có hợp đồng dài hạn, thời gian làm việc liên tục tại đơn vị. Tỷ lệ GV cơ hữu cấp THPT nếu ít hơn 40% thì coi như tiêu chí này không đạt).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1:

Đạt Không đạt

(Chú ý: Nguyên tắc đánh giá tiêu chuẩn 1, điều kiện tiên quyết có Hiệu trưởng và tỷ lệ GV cơ hữu phải đạt tối thiểu 40%. Nếu vi phạm điều kiện tiên quyết thì tiêu chuẩn 1 không đạt).

Tiêu chuẩn 2: Về cơ sở vật chất

Tiêu chí 1. Diện tích đất trường học

- Diện tích đất đảm bảo thực hiện theo quy định 10 m²/học sinh (theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT).

- Có sân chơi bãi tập cho học sinh (tiêu chuẩn diện tích sân trường 1,50 m²/học sinh, sân thể dục thể thao 0,35 m²/học sinh nhưng tổng diện tích sân không được nhỏ hơn 350 m²) và khoảng cách không quá 200 m so với chỗ học.

- Nhà vệ sinh

+ Có đủ khu vệ sinh giáo viên nam, giáo viên nữ riêng. Có

+ Có đủ khu vệ sinh học sinh nam, học sinh nữ riêng. Có

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 2. Quyền sử dụng đất và tài sản

- Đối với cơ sở thuê mượn địa điểm:

+ Hợp đồng thuê mượn còn thời hạn ít nhất là 03 năm học : không

+ Bên cho thuê phải có đủ cơ sở pháp lý quy định: Không

- Đối với các cơ sở được giao đất: Đất giao cho trường **Lâu dài**

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số số:AM 654708 Cấp ngày 03 tháng 05 năm 2008

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 3. Trang thiết bị và danh mục thiết bị dạy học tối thiểu

- Trang thiết bị dạy học

+ Phòng máy tính (đảm bảo 02 học sinh/một máy).

+ Đầy đủ bàn, bàn ghế cho giáo viên và học sinh theo quy định.

+ Đầy đủ hệ thống chiếu sáng học đường theo quy định.

- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Có tối thiểu 01 bộ thiết bị dạy học tối thiểu/khối (trường có từ 5 lớp/khối trở lên thì phải có ít nhất 02 bộ thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ GDĐT).

+ Có thiết bị tối thiểu dạy học môn GDQP.

+ Có hóa đơn tài chính và hợp đồng mua sắm thiết bị.

- Trang thiết bị và đồ dùng dạy học tự làm.

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 4. Phòng học và phòng bộ môn

- Có ít nhất từ 4 phòng học trở lên đạt tiêu chuẩn (Diện tích phòng học tối thiểu 1,5 m²/học sinh).

- Có ít nhất một phòng để đồ dùng dạy học và để chuẩn bị.

- Phòng bộ môn theo quy định (Diện tích phòng học tối thiểu 2 m²/học sinh).

- Thư viện: Đạt chuẩn Không đạt chuẩn

- Phòng Y tế.

- Sơ đồ vị trí phòng học, phòng học bộ môn, các phòng chức năng, thư viện, khu làm việc của trường, sân chơi, nhà thể chất,...

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 5. Điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo an toàn

- Đối với công trình xây dựng trường học:

- + Giấy cấp phép quy hoạch/Giấy cấp phép xây dựng. Số 47/GPXD cấp ngày tháng 06/2009 của UBND huyện Chương Mỹ
- + Văn bản nghiệm thu công trình của cơ quan có thẩm quyền.
- + Tầng cao của công trình bố trí phòng học.
- Điều kiện về phòng cháy chữa cháy
- + Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy.cấp ngày 28/5/2009 phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy cấp
- + Phương án phòng cháy chữa cháy của đơn vị.

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2: Đạt không đạt

(Chú ý: Nguyên tắc đánh giá tiêu chuẩn 2, điều kiện tiên quyết là nhà trường đảm bảo điều kiện phòng cháy chữa cháy và có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc có Hợp đồng thuê mượn địa điểm theo đúng quy định; không sử dụng tầng cao công trình trên tầng 5 làm phòng học. Nếu vi phạm điều kiện tiên quyết thì tiêu chuẩn 2 không đạt).

Tiêu chuẩn 3: Công tác chuyên môn

Tiêu chí 1. Công tác chỉ đạo của chuyên môn

- Sở Nghị quyết, sở hợp hội đồng sư phạm, có đầy đủ đúng theo quy định
- Kế hoạch chỉ đạo chuyên môn: Kế hoạch năm học, Kế hoạch giáo dục hướng nghiệp, Kế hoạch dạy nghề, Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp, Kế hoạch chuyên môn,...

- Kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 2. Tổ nhóm chuyên môn và giáo viên

- Sổ sách sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo quy định.có đầy đủ sổ sách theo quy định chuyên môn

- Hồ sơ sổ sách của từng giáo viên theo quy định.

Tự đánh giá: Đạt không đạt

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3: Đạt Không đạt

Tiêu chuẩn 4: Công tác tài chính

Tiêu chí 1. Công tác thu và chi

- Công tác thu
 - + Tổng thu học phí: 4.139.296.000 VNĐ.
 - + Tổng các khoản thu khác của trường 250.000.000 VNĐ.
 - + Mức thu học phí bình quân của 01 học sinh/1 tháng:

Năm học	Học phí lớp 10 (VNĐ)	Học phí lớp 11 (VNĐ)	Học phí lớp-12 (VNĐ)
2021 - 2022	500.000đ	600.000đ	650.000đ
2022 - 2023	500.000đ	600.000đ	650.000đ
2023 - 2024	550.000đ	650.000đ	700.000đ
2024 - 2025	550.000đ	650.000đ	700.000đ

- Công tác chi

Tổng chi: 3.539.296.000 đồng, trong đó:
+ Chi trả lương và các khoản khác theo lương: 2.500.000.000 VNĐ, tỷ lệ chi 72%.

- + Chi mua sắm trang thiết bị, sách thư viện: 400.000.000 VNĐ,
- + Chi đầu tư xây dựng cơ bản : 200.000.000 VNĐ,
- + Chi đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động: 354.816.000 VNĐ,
- + Chi đóng bảo hiểm y tế cho người lao động: 84.460.000 VNĐ,

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

(Chú ý: Nếu đơn vị không công khai mức thu học phí và mức chi thì tiêu chí này không đạt).

Tiêu chí 2. Thực hiện báo cáo tài chính

- Mở sổ sách tài chính theo quy định.
- Đăng ký mã số thuế theo quy định
- Báo cáo tài chính và quyết toán thuế năm T (T=năm tuyển sinh -1). Có
- Báo cáo Kiểm kê định giá giá trị tài sản năm T (T=năm tuyển sinh -1) Có
- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm T (T=năm tuyển sinh -1). Có
- Nộp báo cáo tài chính năm cho cơ quan quản lý tài chính và giáo dục cấp trên. Có
- Bảng lương của trường (12 tháng/năm).
- Quy chế chi tiêu nội bộ.

Tự đánh giá: Có Không

Tiêu chí 3. Thực hiện công khai theo Thông tư số 36/TT-BGDĐT

- Biểu mẫu cam kết thực hiện ba công khai theo quy định.
- Hình thức công khai
- Thực hiện thông tin báo cáo định kỳ.

Tự đánh giá: Có Không

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4: Đạt Không đạt

(Chú ý: Nguyên tắc đánh giá về tiêu chuẩn 4, điều kiện tiên quyết đơn vị có đủ báo cáo tài chính và báo cáo quyết thuế năm 2020, năm 2021, nếu thiếu thì tiêu chuẩn 4 không đạt; Báo cáo Tài chính có đầy đủ các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa; các hồ sơ theo quy định của cơ quan thuế và Thông báo chấp nhận việc nộp hồ sơ của cơ quan thuế đối với báo cáo của đơn vị; thực hiện nghiêm túc Luật Bảo hiểm xã hội, đóng bảo hiểm xã hội cho giáo viên cơ hữu và người lao động trong đơn vị theo đúng quy định).

Tiêu chuẩn 5. Công tác tuyển sinh và Kiểm định chất lượng giáo dục

Tiêu chí 1. Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh

1. Học sinh được kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo quy chế đánh giá và xếp loại học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Việc kiểm tra, đánh giá học sinh được thực hiện theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; bảo đảm tính toàn diện, công bằng, trung thực, khách quan, vì sự tiến bộ của học sinh, coi trọng việc động viên khuyến khích học sinh tiến bộ; chú trọng đánh giá quá trình học tập của học sinh; đánh

giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; không so sánh học sinh này với học sinh khác và không gây áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

3. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu thì được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng không dự thi tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp không đạt yêu cầu thì được hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

4. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh được thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục, bảo đảm yêu cầu đánh giá vì sự phát triển học sinh, thúc đẩy các phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Tự đánh giá: Có Không

Yêu chí 2. Thực hiện quy định về tuyển sinh

- + Thời gian tuyển sinh có đúng theo quy định không. Có
- + Địa điểm tuyển sinh có đúng theo như đã đăng ký không. Có
- + Chỉ tiêu giao 360 hs; Số học sinh đã tuyển 136 hs
- + Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Tự đánh giá: Có Không

Yêu chí 3. Quản lý hồ sơ học sinh.

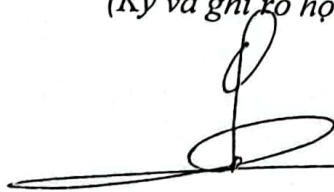
- + Hồ sơ tuyển sinh (Hợp lệ/không lệ): Có chứng nhận đầu vào khối 10 hợp lệ
- + Danh sách học sinh chuyển đi, chuyển đến, bỏ học.
- + Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ.

Tự đánh giá: Có Không

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: Đạt Không đạt

Chú ý: Hồ sơ xác định chỉ tiêu tuyển sinh đảm bảo đủ điều kiện và Hồ sơ kèm theo minh chứng pháp lý theo quy định; Đơn vị nào vi phạm một trong ba tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2 và Tiêu chuẩn 4) sẽ không đủ điều kiện tuyển sinh.

NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký và ghi rõ họ tên)



K.T CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Huy Đức

Ngày 21 tháng 01 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Chung

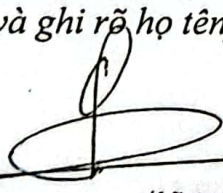
Phụ lục 1: BIỂU TỔNG HỢP TRÌNH ĐỘ GIÁO VIÊN

TT	Giáo viên môn	Tổng số	Chia ra		Chia theo trình độ đào tạo			
			Cơ hữu	Thỉnh giảng	Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Khác
1	Ngữ văn	7	3	4	7			
2	Lịch sử	3	2	1	2	1		
3	Địa lý	3	1	2	3			
4	GDCông dân	1	1	0	1			
5	Tiếng Anh	5	2	3	5			
6	N.Ngữ khác	0	0	0	0			
7	Toán học	6	3	3	6			
8	Vật lý	3	2	1	3			
9	Hóa học	3	2	1	3			
10	Sinh học	3	1	2	3			
11	Công nghệ	2	2	0	2			
12	Tin học	2	2	0	2			
13	GD thể chất	3	1	2	2	1		
14	GD quốc phòng	2	1	1	2			
	Tổng cộng	43	23	20	41	2		
	Tỷ lệ %	100	53,5	46,5	95,3	4,7		

(Có danh sách giáo viên kèm theo)

NHÀ ĐẦU TƯ (CHỦ TỊCH HĐQT)

(Ký và ghi rõ họ tên)



K.T CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Huy Liệu

Ngày 22 tháng 01 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



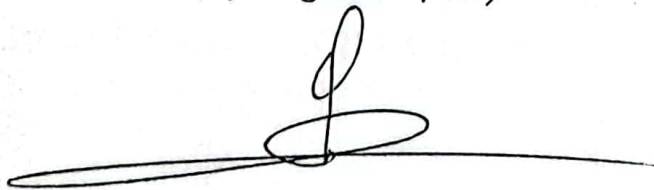
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Chung

Phụ lục 2: Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GDĐT

TT	Môn học	Đơn vị tính	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Ghi chú
1	Toán học	Bộ	30	25	34	
2	Vật lý	Bộ	25	35	40	
3	Hoá Học	Bộ	14	12	7	
4	Sinh học	Bộ	25	20	24	
5	Địa lý	Bộ	8	14	16	
6	Công nghệ	Bộ	7	9	7	
7	Giáo dục công dân	Bộ	15	17	21	
8	Lịch sử	Bộ	4	2	2	
9	Tin học	Bộ	19	24	28	
10	Văn học	Bộ	9	4	8	
11	Ngoại ngữ	Bộ	7	5	4	
12	GD quốc phòng	Bộ	5	5	5	
13	GD Thể chất	Bộ	10	10	10	
14	Thiết bị dùng chung	Bộ	37	33	27	

NHÀ ĐẦU TƯ (CHỦ TỊCH HĐQT)
(Ký và ghi rõ họ tên)



K.T CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Huy Đức

Ngày 22 tháng 01 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Quang Chung

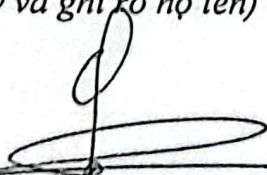
Phụ lục 3: Trang thiết bị phục vụ dạy học

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Không sử dụng được
1. Bàn ghế học sinh			
+ Loại 2 chỗ ngồi	170	170	
+ Loại 4 chỗ ngồi	240	192	
2. Bàn ghế giáo viên	30	20	
3. Bảng	30	20	
<i>T.đồ: Bảng thông minh</i>			
4. Máy vi tính	35	35	
<i>Chia ra:</i>			
+ Dùng cho HS	25	25	
+ Dùng cho Quản lý	10	10	
+ Kết nối Internet	35	35	
5. Số máy in	4	4	
6. Máy chiếu Projecter	20	20	
7. Máy photocopy	1	1	
8. Khác	10	10	

Ngày 24 tháng 07 năm 2022

NHÀ ĐẦU TƯ (CHỦ TỊCH HĐQT)

(Ký và ghi rõ họ tên)



K.T CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Huy Lực

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Chung

Phụ lục 4: Cơ sở vật chất

1. Cơ sở vật chất

- Tổng diện tích đất: 4971 m²
- Tổng diện tích sử dụng: 4971 m²
- Tổng diện tích sân chơi: 2500 m²

2. Phòng học văn hóa

Phòng học	Tổng số	Chia ra		
		Kiên cố	Cấp 4	Tạm
Phòng học văn hóa	36	32	4	0

3. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm, chức năng)

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn (ghi rõ nội dung chưa đạt)
1. Vật lý				
<i>Phòng chuẩn bị</i>	1	48	x	
2. Hóa học				
<i>Phòng chuẩn bị</i>	1	48	x	
3. Sinh học				Phòng học chung với phòng Hoá học
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
4. Công nghệ				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
5. Ngoại ngữ	1	48	x	
6. Tin học	2	96	x	
<i>Số máy vi tính</i>		x	x	x
7. Phòng đa năng	1	48	x	
8. Thư viện	1	48	x	
<i>Số lượng sách, tài liệu tham khảo</i>		x	x	x
9. Nhà thể chất				
10. Phòng Y tế	1	20	x	

Ngày 22 tháng 01 năm 2022

NHÀ ĐẦU TƯ (CHỦ TỊCH HĐQT)

(Ký và ghi rõ họ tên)

K.T CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NGÔ SỸ LIÊN

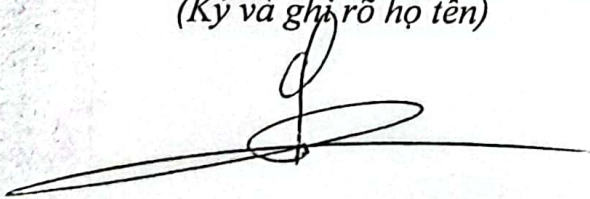
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Chính

Phụ lục 5: Công tác tuyển sinh

	Năm học 2021 - 2022		Dự kiến tuyển sinh 2022-2023
	Chỉ tiêu giao	Thực hiện	
1. Tổng số lớp	8	3	8
<i>Lớp 10</i>	8	3	8
<i>Lớp 11</i>	8	6	
<i>Lớp 12</i>	8	6	
2. Tổng số học sinh			
<i>Lớp 10</i>	360	136	360
<i>Lớp 11</i>	360	216	
<i>Lớp 12</i>	360	192	

NHÀ ĐẦU TƯ (CHỦ TỊCH HĐQT)
(Ký và ghi rõ họ tên)



K.T CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Huy Đức

Ngày 2 tháng 0 / năm 2022

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Quang Chung